

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2026
V/v: "Xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn

Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2026/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp: "Xác định cha cho con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2026/QĐST ngày 10/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992. Căn cước công dân số: 025192015389.

Trú tại: khu G, xã X, tỉnh Phú Thọ, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Trung Văn A, sinh năm 1992. Căn cước công dân số: 026092000161.

Trú tại: thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Phú M, sinh năm 1987; trú tại: thôn Đ, xã S, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Năm 2022, chị kết hôn với anh Nguyễn Phú M, sinh năm 1987 (địa chỉ thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc cũ nay thôn Đ, xã S, tỉnh Phú Thọ), quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân. Sau đó chị và anh M làm thủ

tục ly hôn theo Bản án số 18/2025/HNGĐ - ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Trước khi ly hôn với anh **M** giữa chị và anh **M** đã sống ly thân từ tháng 12/2022, khi đó chị làm công việc tự do và có quan hệ tình cảm với anh **Trung Văn A** đến khoảng tháng 04/2025 thì chị mang thai và đến ngày 11/01/2026 thì chị đã sinh ra 01 bé trai có dự kiến đặt tên cháu là **Trung Thành Q**. Mặc dù cháu bé được sinh ra trong thời gian 300 ngày sau khi chị ly hôn với anh **M**, tuy nhiên khi đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con vì khi đó chị đang mang thai cháu **Q**. Chị xác định cháu **Q** do chị sinh ra không phải con anh **M**. Chị xác định anh **A** mới chính là cha đẻ của cháu **Q**.

Ngày 09/3/2026, chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ trung cầu giám định ADN và **Công ty cổ phần D** đã lấy mẫu trực tiếp giữa cháu bé do chị sinh ra có tên dự kiến là **Trung Thành Q** và anh **Trung Văn A**. Công ty tiến hành phân tích các mẫu ADN để xác định mối quan hệ huyết thống giữa anh **A** và cháu bé dự kiến đặt tên là **Trung Thành Q**. Kết quả giám định là hai người trên có quan hệ huyết thống cha- con (độ tin cậy xác suất 99,999999%).

Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ xác định anh **A** là cha đẻ của cháu **Trung Thành Q** (tên giả định) theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh **Trung Văn A** trình bày: Năm 2023 anh có quan hệ tình cảm với chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1992 (ở **huyện Y, tỉnh Phú Thọ**), đến khoảng tháng 04/2025 thì chị **G** có thai và đến ngày 11/01/2026 chị **G** có sinh ra một cháu trai dự kiến đặt tên là **Trung Thành Q**. Do khi sinh cháu **Q** thì chị **G** và anh **Nguyễn Phú M** đã giải quyết ly hôn nhưng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật con sinh ra trong thời hạn 300 ngày thì vẫn được xác định là con chung của chị **G** với anh **M** nên chị **G** chưa làm thủ tục khai sinh cho cháu bé **Q** được. Anh được biết chị **G** và anh **M** đã ly hôn theo Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là TAND khu vực 11 – Phú Thọ). Ngày 09/10/2025 anh và chị **G** đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, tỉnh Phú Thọ**.

Ngày 09/3/2026 chị **G** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ trung cầu giám định ADN và **Công ty cổ phần D** đã lấy mẫu trực tiếp giữa cháu bé do chị **G** sinh ra có tên dự kiến là **Trung Thành Q** và anh. Kết quả giám định là anh và cháu **Q** trên có quan hệ huyết thống cha- con (độ tin cậy xác suất 99,999999%). Nay chị **G** có yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ xác định anh là cha đẻ của cháu **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026, anh đề nghị Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa liên quan anh **Nguyễn Phú M**: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng, chuyển giao các tài liệu, chứng

cứ của nguyên đơn, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Phú M** vẫn không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 28, 147, 160, 161, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị G**

Xác định anh **Trung Văn A** là cha của cháu **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026.

Về án phí: Chị **G** được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Nguyễn Thị G** có đơn khởi kiện yêu cầu xác định anh **Trung Văn A** là cha đẻ của cháu **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026. Anh **A** có nơi cư trú tại **thôn Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ**. Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị G**, bị đơn anh **Trung Văn A** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Phú M** đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị **G**, anh **A** và anh **M**.

[3] Về nội dung vụ án: Các đương sự trình bày chị **G** với anh **A** có quan hệ tình cảm và có 01 con chung dự kiến đặt tên là **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cháu **Trung Thành**

Q, sinh ngày 11/01/2026 là con chung của chị G và anh A. Tuy nhiên chị G và anh Nguyễn Phú M đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Tháng 6 năm 2025 anh M và chị G đã ly hôn. Tại bản án số: 18/2025/ HNGĐ-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) chị G và anh M cũng không có yêu cầu, đề nghị gì liên quan đến con chung cháu Trung Thành Q (tại thời điểm đó chị G đang mang thai). Tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 13/3/2026 của Công ty cổ phần D kết luận: Anh Trung Văn A có quan hệ huyết thống Cha - Con với cháu Trung Thành Q, sinh ngày 11/01/2026 (xác suất 99,999999%). Tuy nhiên, chị G đã làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Trung Văn A theo quy định pháp luật. Nay chị G yêu cầu Tòa án xác định anh A là cha đẻ của cháu Trung Thành Q, anh A đồng ý. Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88, 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định ADN chị Nguyễn Thị G đã tạm ứng và có đơn tự nguyện chịu nộp toàn bộ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, 28, 147, 160, 161, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G

1. Xác định anh Trung Văn A là cha đẻ của cháu Trung Thành Q, sinh ngày 11/01/2026 (giấy chứng sinh số CSKCB: 67014, quyền số 01/2026 ngày 14/01/2026 của Trung tâm y tế khu vực Y).

2. Anh Trung Văn A và chị Nguyễn Thị G là cha mẹ đẻ của cháu Trung Thành Q, sinh ngày 11/01/2026 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để đăng ký khai sinh (hoặc ghi chú) theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1992. Căn cước công dân số: 025192015389.

Trú tại: **khu G, xã X, tỉnh Phú Thọ**.

Bị đơn: anh **Trung Văn A**, sinh năm 1992. Căn cước công dân số: 026092000161.

Trú tại: **thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh **Nguyễn Phú M**, sinh năm 1987; trú tại: **thôn Đ, xã S, tỉnh Phú Thọ**.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26, 28, 147, 160, 161, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị G**

1. Xác định anh **Trung Văn A** là cha đẻ của cháu **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026 (giấy chứng sinh số CSKCB: 67014, quyển số 01/2026 ngày 14/01/2026 của Trung tâm y tế khu vực **Y**).

2. Anh **Trung Văn A** và chị **Nguyễn Thị G** là cha mẹ đẻ của cháu **Trung Thành Q**, sinh ngày 11/01/2026 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để đăng ký khai sinh (hoặc ghi chú) theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị G** được miễn án phí theo quy định pháp luật. Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật. Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 05 tháng 8 năm 2026.

Biên bản làm xong đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Sơn Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Kiên T